SỞ Y TẾ THANH HOÁ
BỆNH VIỆN PHỤ SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Số: 1189 /QĐ-BV

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung cho viên chức, người lao động năm 2023

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THANH HOÁ

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; được sửa đổi, bổ sung bởi: Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc Ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hoá quản lý;

Căn cứ Công văn số 2872/SYT-TCCB ngày 11/10/2019 của Giám đốc Sở Y tế Thanh Hóa về việc hướng dẫn thực hiện nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp TNVK, và nâng bậc lương trước thời hạn do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với công chức, viên chức;

Căn cứ kết quả cuộc họp Hội đồng lương bệnh viện ngày 24/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2023 đối với 93 ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo. Trong đó:

- Nâng bậc lương thường xuyên: 82 người
- Thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung: 11 người

Điều 2. Các ông (bà) có tên ở Điều 1, các khoa phòng có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2/QĐ;
- Sở Y tế (để BC);
- Lưu VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN

Hoàng Văn Việt

SỞ Y TẾ THANH HOÁ
BỆNH VIỆN PHỤ SẢN

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TỈNH THANH HÓA

DANH SÁCH THỰC HIỆN NÂNG BẬC LƯƠNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1189 /QĐ-BV ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc BV Phụ sản Thanh Hóa)

Tổng số viên chức, người lao động của đơn vị trong năm: 676 người

Trong đó:

1. Số người được nâng bậc lương thường xuyên ở cơ quan, đơn vị trong năm: 82 người ;

2. Số người đã có thông báo nghỉ hưu được nâng bậc lương trước thời hạn ở cơ quan, đơn vị trong năm: 0 người.

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số bậc lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trong năm 2023					
		Nam	Nữ		Ngạch hoặc chức danh	Bậc trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ngạch hoặc chức danh	Bậc lương sau khi nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lương lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ghi chú
I	**Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên**														
1	Phạm Lương Tuấn	16/04/1963		BSCKI	V.08.01.02	6	6,1	01/10/2020		V.08.01.02	7	6,44	01/10/2023		
2	Lê Thị Hương		31/10/1981	BSCKII	V.08.01.02	1	4,40	01/11/2020		V.08.01.02	2	4,74	01/11/2023		
3	Trương Văn Tuyên	19/12/1980		Thạc sỹ	V.08.01.03	6	3,99	01/04/2020		V.08.01.03	7	4,32	01/04/2023		
4	Trương Ngọc Thiên	20/11/1970		BSCKII	V.08.01.03	7	4,32	01/12/2020		V.08.01.03	8	4,65	01/12/2023		
5	Mai Văn Khoa	19/12/1976		BSCKI	V.08.01.03	7	4,32	01/09/2020		V.08.01.03	8	4,65	01/09/2023		
6	Lê Thị Dinh		09/05/1984	BSCKI	V.08.01.03	4	3,33	01/11/2020		V.08.01.03	5	3,66	01/11/2023		
7	Nguyễn Văn Đồng	10/10/1986		Thạc sỹ	V.08.01.03	4	3,33	01/11/2020		V.08.01.03	5	3,66	01/11/2023		
8	Nguyễn Thị Nga		20/11/1986	Thạc sỹ	V.08.01.03	4	3,33	01/11/2020		V.08.01.03	5	3,66	01/11/2023		
9	Nguyễn Phú Hoằng	10/11/1985		Thạc sỹ	V.08.01.03	4	3,33	01/11/2020		V.08.01.03	5	3,66	01/11/2023		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số bậc lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trong năm 2023					
		Nam	Nữ		Ngạch hoặc chức danh	Bậc trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ngạch hoặc chức danh	Bậc lương sau khi nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lương lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ghi chú
10	Nguyễn Văn Tân	10/03/1969		BSCKI	V.08.01.03	8	4,65	01/03/2020		V.08.01.03	9	4,98	01/03/2023		
11	Lê Thị Thu		14/08/1987	BSCKI	V.08.01.03	3	3,00	01/06/2020		V.08.01.03	4	3,33	01/06/2023		
12	Lê Kim Hưởng	17/11/1977		BSCKI	V.08.01.03	6	3,99	01/08/2020		V.08.01.03	7	4,32	01/08/2023		
13	Lê Thị Cúc		12/11/1991	Bác sỹ	V.08.01.03	2	2,67	01/02/2020		V.08.01.03	3	3,00	01/02/2023		
14	Nguyễn Thị Dung		10/10/1994	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
15	Lê Văn Đại	13/06/1993		Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
16	Hoàng Trường Giang	30/04/1993		Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
17	Nguyễn Thị Hải		15/04/1993	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
18	Lê Thị Hòa		05/10/1995	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
19	Nguyễn Thị Hương		09/10/1995	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
20	Trịnh Duy Khánh	26/7/1994		Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
21	Trương Hải Linh	08/5/1995		Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
22	Lê Thị Thanh Minh		25/11/1995	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
23	Đinh Ngọc Minh	11/12/1993		Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
24	Đỗ Thị Ngoan		02/9/1995	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
25	Lê Thị Ánh Ngọc		09/12/1995	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
26	Đỗ Thị Nụ		14/10/1990	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số bậc lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trong năm 2023					
		Nam	Nữ		Ngạch hoặc chức danh	Bậc trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ngạch hoặc chức danh	Bậc lương sau khi nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lương lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ghi chú
27	Ngô Thị Phương		13/03/1992	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
28	Hồ Thị Quỳnh		09/05/1995	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
29	Lê Thị Quỳnh		01/08/1994	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
30	Nguyễn Thành Sơn	01/7/1995		Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
31	Nguyễn Thị Thơm		17/11/1995	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
32	Nguyễn Văn Thương	02/7/1994		Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
33	Lê Khả Tiến	10/11/1991		Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
34	Quách Ngọc Minh	07/12/1993		Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
35	Đỗ Thị Trang		12/08/1994	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
36	Nguyễn Duy Tuấn	21/9/1991		Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
37	Đỗ Xuân Vũ	09/4/1995		Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
38	Phạm Thị Hải Yến		11/09/1995	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
39	Nguyễn Thị Châu		08/09/1994	Bác sỹ	V.08.01.03	1	2,34	01/08/2020		V.08.01.03	2	2,67	01/08/2023		
40	Lê Thị Hải		20/05/1973	CNĐD	V.08.05.12	5	3,66	01/05/2020		V.08.05.12	6	3,99	01/05/2023		
41	Trịnh Thị Lý		08/02/1973	CNĐD	V.08.05.12	5	3,66	01/04/2020		V.08.05.12	6	3,99	01/04/2023		
42	Trịnh Thị Trang Nhung		12/12/1980	CNĐD	V.08.05.12	4	3,33	01/04/2020		V.08.05.12	5	3,66	01/04/2023		
43	Bùi Thị Kim Thoa		16/06/1975	CNĐD	V.08.05.12	4	3,33	01/07/2020		V.08.05.12	5	3,66	01/07/2023		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số bậc lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trong năm 2023					
		Nam	Nữ		Ngạch hoặc chức danh	Bậc trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Hệ số chệnh lệch báo lưu (nếu có)	Ngạch hoặc chức danh	Bậc lương sau khi nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lương lần sau	Hệ số chệnh lệch bảo lưu (nếu có)	Ghi chú
44	Nguyễn Thị Viễn		05/06/1981	CNĐD	V.08.05.12	6	3,99	01/07/2020		V.08.05.12	7	4,32	01/07/2023		
45	Lê Thị Thu Hiền		19/04/1988	CNĐD	V.08.05.12	3	3,00	01/06/2020		V.08.05.12	4	3,33	01/06/2023		
46	Lê Thị Thu Hằng		28/04/1982	CNĐD	V.08.05.12	3	3,00	01/04/2020		V.08.05.12	4	3,33	01/04/2023		
47	Bùi Thị Huyền		10/01/1984	CNĐD	V.08.05.12	3	3,00	01/04/2020		V.08.05.12	4	3,33	01/04/2023		
48	Lê Thị Hương		02/06/1977	CNĐD	V.08.05.12	4	3,33	01/07/2020		V.08.05.12	5	3,66	01/07/2023		
49	Trịnh Tố Như		19/11/1973	CNĐD	V.08.05.12	6	3,99	01/12/2020		V.08.05.12	7	4,32	01/12/2023		
50	Phạm Thị Lệ Quyên		01/03/1978	CNĐD	V.08.05.12	5	3,66	01/03/2020		V.08.05.12	6	3,99	01/03/2023		
51	Nguyễn Thị Đào		03/02/1987	CNĐD	V.08.05.12	3	3,00	01/08/2020		V.08.05.12	4	3,33	01/08/2023		
52	Lê Thị Thanh Hằng		21/06/1990	CNĐD	V.08.05.12	3	3,00	01/08/2020		V.08.05.12	4	3,33	01/08/2023		
53	Lê Thị Huyền		29/01/1990	CNĐD	V.08.05.12	3	3,00	01/08/2020		V.08.05.12	4	3,33	01/08/2023		
54	Trịnh Bảo Yến		15/02/1989	CNĐD	V.08.05.12	3	3,00	01/08/2020		V.08.05.12	4	3,33	01/08/2023		
55	Lê Văn Linh	06/09/1987		CNĐD	V.08.05.12	2	2,67	31/12/2020		V.08.05.12	3	3,00	31/12/2023		
56	Nguyễn Thị Thủy		14/03/1975	CNHS	V.08.06.15	7	4,32	01/10/2020		V.08.06.15	8	4,65	01/10/2023		
57	Nguyễn Thị Vân		22/03/1981	CNHS	V.08.06.15	4	3,33	01/10/2020		V.08.06.15	5	3,66	01/10/2023		
58	Hoàng Thị Vân Anh		25/12/1975	CNHS	V.08.06.15	7	4,32	01/10/2020		V.08.06.15	8	4,65	01/10/2023		
59	Trần Thị Dung		10/01/1987	Cử nhân KTYH	V.08.07.18	3	3,00	01/06/2020		V.08.07.18	4	3,33	01/06/2023		
60	Lê Thị Liễu		13/06/1989	Cử nhân KTYH	V.08.07.18	3	3,00	01/11/2020		V.08.07.18	4	3,33	01/11/2023		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số bậc lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trong năm 2023					
		Nam	Nữ		Ngạch hoặc chức danh	Bậc trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ngạch hoặc chức danh	Bậc lương sau khi nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lương lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ghi chú
61	Lê Thị Thanh Giang		04/11/1987	DSĐH	V.08.08.22	4	3,33	01/11/2020		V.08.08.22	5	3,66	01/11/2023		
62	Cao Thị Thuận		06/12/1987	DSĐH	V.08.08.22	4	3,33	01/09/2020		V.08.08.22	5	3,66	01/09/2023		
63	Hoàng Thị Hồng Thuỷ		10/04/1985	Kế toán viên	06031	5	3,66	01/04/2020		06031	6	3,99	01/04/2023		
64	Bùi Thị Phượng		15/12/1968	Kế toán viên	06031	8	4,65	01/12/2020		06031	9	4,98	01/12/2023		
65	Nguyễn Thị Hằng		21/04/1985	Kế toán viên	06031	4	3,33	01/11/2020		06031	5	3,66	01/11/2023		
66	Lê Văn Lương	01/02/1985		Kế toán viên	06031	4	3,33	01/11/2020		06031	5	3,66	01/11/2023		
67	Nguyễn Thị Vân		15/06/1986	Kế toán viên	06031	4	3,33	01/11/2020		06031	5	3,66	01/11/2023		
68	Nguyễn Văn Tuấn	01/08/1985		Chuyên viên	01003	4	3,33	01/11/2020		01003	5	3,66	01/11/2023		
69	Nguyễn Thị Hồng		01/01/1983	Kỹ sư	13095	4	3,33	01/12/2020		V.05.02.07	5	3,66	01/12/2023		
70	Lưu Đức Giang	05/06/1981		Kế toán viên	06031	3	3,00	01/06/2020		06031	4	3,33	01/06/2023		
71	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		30/08/1983	Kế toán viên	06031	3	3,00	01/06/2020		06031	4	3,33	01/09/2023		Kỷ luật khiển trách, kéo dài 3 tháng
72	Nguyễn Việt Dũng	02/01/1988		Kế toán viên	06031	3	3,00	01/06/2020		06031	4	3,33	01/06/2023		
73	Trịnh Thị Thuỷ		01/12/1989	Kế toán viên	06031	3	3,00	01/06/2020		06031	4	3,33	01/06/2023		
74	Trần Thị Nga		08/03/1989	Kế toán viên	06031	3	3,00	01/06/2020		06031	4	3,33	01/06/2023		
75	Lê Hạnh Linh		12/01/1990	Kế toán viên	06031	3	3,00	01/06/2020		06031	4	3,33	01/06/2023		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số bậc lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trong năm 2023					
		Nam	Nữ		Ngạch hoặc chức danh	Bậc trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ngạch hoặc chức danh	Bậc lương sau khi nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lương lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ghi chú
76	Nguyễn Văn Hải	15/10/1985		Chuyên viên	01003	3	3,00	01/06/2020		01003	4	3,33	01/06/2023		
77	Vũ Lê Cảnh	14/09/1989		Chuyên viên	01003	3	3,00	01/10/2020		01003	4	3,33	01/10/2023		
78	Lại Thị Quỳnh Nga		16/03/1987	Chuyên viên	01003	3	3,00	01/08/2020		01003	4	3,33	01/08/2023		
79	Trương Đức Anh	04/01/1987		Kế toán viên	06031	3	3,00	01/08/2020		06031	4	3,33	01/08/2023		
80	Vũ Thị Hải		15/02/1990	Kế toán viên	06031	3	3,00	01/08/2020		06031	4	3,33	01/08/2023		
81	Nguyễn Thị Minh Hiệp		06/08/1981	Kế toán viên	06031	4	3,33	31/12/2020		06031	5	3,66	31/12/2023		
82	Lê Thị Ngân		03/02/1983	Kế toán viên	06031	2	2,67	31/12/2020		06031	3	3,00	31/12/2023		
II	**Cán bộ viên chức, người lao động đã có thông báo nghỉ hưu được nâng lương trước thời hạn**														
	Không														
82	**Cộng tổng**														

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN PHỤ SẢN

DANH SÁCH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1189 /QĐ-BV ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc BV Phụ sản Thanh Hóa)

Tổng số viên chức và người lao động của đơn vị trong năm: 676 người

Trong đó: Số người được vượt khung ở cơ quan, đơn vị trong năm: 11 người

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng							Kết quả thực hiện PC TNVK năm 2023			
		Nam	Nữ		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc cuối cùng trong ngạch hoặc chức danh	Hệ số lương của bậc cuối cùng	Thời điểm được xếp	% phụ cấp thâm niên vượt khung đã hưởng	Thời điểm tính hưởng PCTNVK lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	% phụ cấp thâm niên vượt khung được hưởng	Thời gian tính hưởng PCTNVK lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Tiền lương tăng thêm do thực hiện PCTNVK (1.000đ)
1	Đỗ Đình Thống	10/05/1964		BSCKII	V.08.01.03	9	4,98	01/12/2012	12%	01/12/2022		13%	01/12/2023		
2	Lê Thanh Xuân	12/05/1966		BSCKI	V.08.01.03	9	4,98	01/12/2017	7%	01/12/2022		8%	01/12/2023		
3	Phạm Như Thanh	10/10/1966		BSCKI	V.08.01.03	9	4,98	01/02/2017	7%	01/02/2022		8%	01/02/2023		
4	Trần Minh Nguyên	05/10/1965		BSCKI	V.08.01.03	9	4,98	01/09/2017	7%	01/09/2022		8%	01/09/2023		
5	Tạ Thị Anh Đào		21/02/1973	DSTH	V.08.08.23	12	4,06	01/03/2018	7%	01/03/2022		8%	01/03/2023		
6	Phạm Hữu Thanh	26/01/1966		NVKT	01007	12	3,63	01/12/2006	19%	01/12/2022		20%	01/12/2023		
7	Lê Thị Ngọc		14/02/1968	NVPV	01009	12	2,98	01/12/2004	25%	01/12/2022		26%	01/12/2023		
8	Nguyễn Ngọc Khuyến	06/10/1963		CN luật	01003	9	4,98	01/09/2013	11%	01/09/2022		12%	01/09/2023		
9	Lê Thị Hòa		20/11/1968	CNĐD	V.08.05.12	9	4,98	01/12/2018	6%	01/12/2022		7%	01/12/2023		
10	Trần Thị Thủy		12/04/1968	CNĐD	V.08.05.12	9	4,98	01/12/2018	6%	01/12/2022		7%	01/12/2023		
11	Nguyễn Thị Kim Thoa		27/12/1970	CNĐD	V.08.05.12	9	4,98	01/12/2020				5%	01/12/2023		